

tăng từ 71,76% lên 76,08% và lĩnh vực Tổ chức 5S, nhóm cải tiến chất lượng tăng từ 63,53% lên 69,41%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Masaaki Imai, Gemba Kaizen:** a commonsense approach to a continuous improvement strategy New York:McGraw Hill, 2012.
2. **Ministry of Health and Social Welfare,** Implementation Guidelines for 5S-KAIZEN-TAM Approaches in Tanzania. Foundation of all Quality Improvement Programs, ed. r. Edition. 2013, Tanzania.
3. **JICA - The Japan International Cooperation Agency,** Monitoring and evaluation sheet for the progress of 5S activities. 2010. p. 76.
4. **Ikuma LH and Nahmens I,** Making safety an integral part of 5S in healthcare. Work, 2014: p. 243-251.
5. **Rutledge J, Xu M, and Simpson J,** Application of the Toyota production system improves core laboratory operations. Am J Clin Pathol, 2010.
6. **Waldhausen JH, et al.,** Application of lean methods improves surgical clinic experience. J Pediatr Surg, 2010. 45: p. 1420-1425.
7. **Farrokhi FR, et al.,** Application of lean methodology for improved quality and efficiency in operating room instrument availability. J Healthc Qual, 2015. 37: p. 277-286.
8. **Chadha R, Singh A, and Kalra J,** Lean and queuing integration for the transformation of health care processes: a lean health care model. Clin Govern Int J, 2012. 17: p. 191-199.

NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỌC KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH NĂM 2022

Nguyễn Thị Ngoãn¹, Vũ Thị Đào¹,
Nguyễn Thị Thảo Quyên¹, Trần Thị Hồng Phương¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Kỹ năng giao tiếp được xem là yếu tố quan trọng và quyết định thành công của điều dưỡng viên trong mọi lĩnh vực chăm sóc cho bệnh nhân. Sinh viên điều dưỡng cần được đào tạo, huấn luyện tốt kỹ năng này. Tuy nhiên, có rất nhiều yếu tố tác động đến quá trình học kỹ năng này của sinh viên. Do đó, nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá các yếu tố gây ảnh hưởng đến quá trình học kỹ năng giao tiếp của sinh viên. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến học tập kỹ năng giao tiếp và mối liên quan của các yếu tố với đặc điểm chung của sinh viên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** cắt ngang mô tả cùng với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn trên 196 đối tượng sinh viên điều dưỡng trường Đại học Trà Vinh đã học môn kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng. **Kết quả nghiên cứu:** Yếu tố kỹ năng sống và yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp với tỉ lệ lần lượt là 52,04%; 52,55%. Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa nhóm tuổi, năm học của sinh viên đến học kỹ năng giao tiếp ($p < 0,05$). **Kết luận:** Cần có những giải pháp để nâng cao kỹ năng giao tiếp và học tập hiệu quả cho sinh viên điều dưỡng.

Từ khóa: kỹ năng giao tiếp, sinh viên, yếu tố.

SUMMARY

FACTORS AFFECTING THE LEARNING OF COMMUNICATION SKILLS AMONG

¹Trường Đại học Trà Vinh

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Ngoãn

Email: ntngoan@tvu.edu.vn

Ngày nhận bài: 12.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 23.4.2024

Ngày duyệt bài: 28.5.2024

NURSING STUDENTS AT TRA VINH UNIVERSITY IN 2022

Background: Communication skills are considered a crucial and decisive factor for the success of nursing professionals in every aspect of patient care. Nursing students need to be well-trained and educated in these skills. However, there are numerous factors that influence the learning process of these skills among students. Therefore, the research is conducted to assess the various factors that impact the learning of communication skills among nursing students. **Objectives:** To determine the factors affecting the learning of communication skills and their correlation with the general characteristics of students. **Materials and methods:** A cross-sectional description along with a simple random sampling method was applied to 196 nursing students at Tra Vinh University who had taken the communication skills course in nursing practice. **Results:** Life skills and environmental factors influenced communication skill learning with rates of 52.04% and 52.55%, respectively. The study found a correlation between the age group and academic year of students and their communication skill learning ($p < 0.05$). **Conclusion** Solutions are needed to enhance communication skills and effective learning for nursing students.

Keywords: Communication skills, student, factor.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội càng ngày càng phát triển, kỹ năng giao tiếp đã trở thành sự đòi hỏi cấp thiết không thể thiếu cho nhiều nghề và nhiều lĩnh vực và là yếu tố quyết định làm nền tảng cho bất kỳ cuộc gặp gỡ thành công nào [1]. Đối với lĩnh vực y khoa thì kỹ năng giao tiếp được mô tả là khía cạnh quan trọng nhất của thực hành mà bắt

buộc các nhân viên y tế đều phải nắm vững [10]. Giao tiếp trong y khoa được coi là kỹ năng lâm sàng cơ bản để thiết lập mối quan hệ với người bệnh, mở đường cho việc chẩn đoán và điều trị thành công. Đào tạo kỹ năng giao tiếp được quốc tế chấp nhận như một thành phần thiết yếu của giáo dục y tế [4]. Khi giao tiếp kém, hoặc thiếu giao tiếp có thể khiến người bệnh hiểu sai và không tuân thủ phác đồ điều trị có thể dẫn đến sai sót y tế. Một nghiên cứu của Bartlett G kết luận rằng các vấn đề về giao tiếp với người bệnh dẫn đến gia tăng các tác dụng phụ có thể ngăn ngừa được mà hầu hết là liên quan đến thuốc [3]. Đa số, các đơn khiếu nại của người bệnh, người nhà người bệnh đối với nhân viên y tế chủ yếu xuất phát từ lỗi giao tiếp, theo một thống kê ước tính 27% sơ suất y tế là kết quả của sự thất bại trong giao tiếp. Giao tiếp tốt hơn có thể giảm thiểu sai sót y tế và thương tích cho người bệnh [6].

Kỹ năng giao tiếp cũng được xem là yếu tố quan trọng của điều dưỡng viên trong mọi lĩnh vực hoạt động và trong tất cả các can thiệp của điều dưỡng như trong việc điều trị, phục hồi chức năng, giáo dục và nâng cao sức khỏe [5]. Những nhân viên Điều dưỡng dành thời gian để lắng nghe mỗi quan tâm của từng người bệnh, họ sẽ chuẩn bị tốt hơn để giải quyết các vấn đề khi phát sinh cho người bệnh. Trung bình, trong một cuộc quan sát kéo dài 4 giờ, các điều dưỡng dành nhiều thời gian nhất để giao tiếp với người bệnh (29,99 phút) [3].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi muốn phân tích về kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Mục đích là để tìm ra các yếu tố gây ảnh hưởng đến quá trình học kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Xác định mức độ gây ảnh hưởng của từng yếu tố đó. Bởi vì, quá trình học tập kỹ năng giao tiếp của sinh viên sẽ làm nền tảng sau này cho sinh viên trong công việc điều dưỡng. Do đó, chúng tôi nhận thấy nó rất quan trọng và cần thiết để tiến hành đề tài nghiên cứu "*Những yếu tố ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên Điều dưỡng Trường đại học Trà Vinh năm 2022*".

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Các sinh viên Điều dưỡng đã học xong môn Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Trà Vinh. Thời gian nghiên cứu: tháng 4/2022 – tháng 6/2022

- **Tiêu chuẩn chọn vào:** các sinh viên Điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Trà Vinh đã học xong môn Kỹ năng giao tiếp trong thực hành

điều dưỡng. Sinh viên tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** các sinh viên Điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Trà Vinh bị ốm, nghỉ học, bảo lưu tại thời điểm nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** mô tả cắt ngang

- **Cỡ mẫu:** theo đó, công thức ước lượng cỡ mẫu cho một tỷ lệ

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $p = 0,5$ là những yếu tố ảnh hưởng đến đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng. Giá trị tới hạn $Z = 1,96$ (ngưỡng ý nghĩa thống kê 0,05), sai số $d = 0,07$. Công thức tính được cỡ mẫu tối thiểu $n = 196$.

- **Phương pháp chọn mẫu:** ngẫu nhiên đơn

Bước 1. Lập danh sách tất cả sinh viên Điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Trà Vinh.

Bước 2. Lập danh sách các sinh viên Điều dưỡng đã học môn Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.

Bước 3. Chọn số lượng sinh viên Điều dưỡng đã học môn Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng theo cỡ mẫu đã tính

- **Nội dung nghiên cứu và phương pháp thu thập số liệu:** bộ câu hỏi phỏng vấn cho các đối tượng được nghiên cứu được dựa trên bộ câu hỏi của tác giả Nguyễn Trung Nam về "Những yếu tố ảnh hưởng đến học tập kỹ năng giao tiếp của sinh viên Điều dưỡng" [2] đã được chúng tôi điều chỉnh lại cho phù hợp với đối tượng nghiên cứu. Các biến số được đánh giá theo thang đo Likert 5 điểm (1, 2, 3, 4, 5). Biến số nào có giá trị điểm càng cao thì yếu tố đó ảnh hưởng việc học tập kỹ năng giao tiếp. Các biến số gồm kỹ năng sống, yếu tố cá nhân, yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến việc học kỹ năng giao tiếp. Thực hiện thu thập số liệu sau giờ học của đối tượng nghiên cứu trong khoảng 20 - 30 phút.

- **Phương pháp phân tích số liệu:** Số liệu nghiên cứu được kiểm tra, xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 12. Các số liệu được phân tích theo các mục tiêu nghiên cứu và nội dung nghiên cứu. Những số liệu thống kê mô tả được tính gồm các tần số và các phần trăm của các biến số. Đo lường chỉ số PR và khoảng tin cậy (KTC) 95% để đánh giá mối liên quan. Ngưỡng ý nghĩa thống kê được xác định là $p < 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm đối tượng nghiên cứu. Sinh viên tham gia nghiên cứu thuộc nhóm ≥ 20 tuổi chiếm đa số 90,82%, đa phần là nữ giới chiếm

83,67%; sinh viên học lực khá chiếm tỉ lệ cao nhất là 77,04%; sinh viên học năm 2 chiếm 32,65%; năm 3 chiếm 33,16% và năm 4 chiếm 34,18%.

Bảng 1. Năng lực giao tiếp của sinh viên Điều dưỡng do sinh viên tự đánh giá

Năng lực giao tiếp	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Giao tiếp tốt	29	14,80
Giao tiếp đạt	125	63,78
Giao tiếp chưa đạt	42	21,43
Tổng	196	100

Nhận xét: trong 196 sinh viên tham gia nghiên cứu phần lớn sinh viên tự đánh giá giao tiếp đạt với 125 sinh viên (chiếm 63,78%), chỉ có 29 sinh viên giao tiếp tốt (chiếm 14,80%), còn lại 42 sinh viên cho rằng bản thân mình giao tiếp chưa đạt (chiếm 21,43%).

3.2 Sự ảnh hưởng của kỹ năng sống, yếu tố cá nhân, yếu tố môi trường đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng

Bảng 2. Sự ảnh hưởng của kỹ năng sống đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng

Kỹ năng sống	Không bao giờ n (%)	Hiếm khi n (%)	Thỉnh thoảng n (%)	Thường xuyên n (%)	Luôn luôn n (%)
Nói chuyện	0	6(3,1)	40(20,4)	120(61,2)	30(15,3)
Tự tin	1(0,5)	11(5,6)	58(29,6)	104(53,1)	22(11,2)
Hòa đồng	0	3(1,5)	27(13,8)	118(60,2)	48(24,5)
Giải thích cho người khác hiểu	3(1,5)	6(3,7)	43(21,9)	111(56,6)	33(16,8)
Đặt mình vào vị trí người khác	1(0,5)	14(7,1)	64(32,3)	75(38,3)	42(21,4)
Khai thác thông tin	8(4,1)	27(13,8)	79(40,3)	68(34,7)	14(7,1)
Lắng nghe đối phương	0	7(3,6)	26(13,3)	69(35,2)	94(47,9)

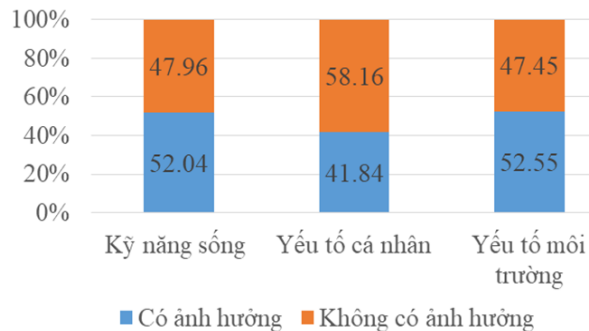
Nhận xét: Đa số các kỹ năng sống được đánh giá mức độ thường xuyên. Trong đó các yếu tố: Nói chuyện, hòa đồng, tự tin, giải thích cho người khác hiểu mức thường xuyên chiếm tỉ lệ trên 50%. Tuy nhiên, sinh viên có kỹ năng giải

thích cho người khác hiểu, đặt mình vào vị trí người khác, kỹ năng khai thác thông tin và lắng nghe đối phương chỉ thỉnh thoảng thực hiện còn chiếm tỉ lệ cao lần lượt là: 21,9%, 32,3 %, 40, 3%, 13,3%.

Bảng 3. Sự ảnh hưởng của yếu tố cá nhân và môi trường đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng

Nội dung	Rất yếu n (%)	Yếu n (%)	Vừa n (%)	Mạnh n (%)	Rất mạnh n (%)
Yếu tố cá nhân					
Kỹ năng kết hợp ngôn ngữ	1(0,5)	11(5,6)	79(40,3)	73(37,3)	32(16,3)
Khả năng giao tiếp của giảng viên	0	4(2)	53(27,1)	101(51,5)	38(19,4)
Phương pháp giảng dạy của giảng viên	0	3(1,5)	61(31,1)	104(53,1)	28(14,3)
Yếu tố môi trường					
Môi trường trường học	0	0	79(40,3)	98(50)	19(9,7)
Môi trường bệnh viện	1(0,5)	1(0,5)	55(28,1)	107(54,6)	32(16,3)
Môi trường cộng đồng	1(0,5)	1(0,5)	61(31,1)	103(52,6)	30(15,3)

Nhận xét: Đối với yếu tố cá nhân kỹ năng kết hợp ngôn ngữ, khả năng giao tiếp của giảng viên, phương pháp giảng dạy của giảng viên đều được đánh giá từ vừa đến mạnh chiếm tỉ lệ cao nhất. Tỉ lệ sinh viên cho thấy các yếu tố môi trường bệnh viện, cộng đồng, trường học đều có tác động từ mạnh đến rất mạnh (trên 50%).



Biểu đồ 1. Tỉ lệ sinh viên có kỹ năng sống,

yếu tố cá nhân và yếu tố môi trường ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp

Nhận xét: Trong 196 đối tượng nghiên cứu, kỹ năng sống và yếu tố môi trường đều tác động đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên với tỉ lệ lần lượt là 52,04% và 52,55%, riêng yếu tố cá nhân không ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp của sinh viên chiếm tỷ lệ 58,16%.

3.3 Môi liên quan ảnh hưởng giữa các yếu tố trong học tập kỹ năng giao tiếp với đặc điểm chung

Bảng 4. Môi liên quan giữa kỹ năng sống trong học tập kỹ năng giao tiếp và đặc điểm chung

Đặc điểm	Kỹ năng sống		P	PR (KTC 95%)	
	Có ảnh hưởng	Không có ảnh hưởng			
Nhóm tuổi	<20	5(27,8)	13(72,2)	0,031	1,96 (0,92- 4,18)
	≥20	97(54,5)	81(45,5)		
Năm học	Năm 2	13(20,3)	51(79,7)	<0,001	1
	Năm 3	49(75,4)	16(24,6)		3,71 (2,24- 6,16)
	Năm 4	40(59,7)	27(40,3)		2,94 (1,74- 4,97)

Nhận xét: Sinh viên ≥ 20 tuổi có kỹ năng giao tiếp ảnh hưởng cao gấp 1,96 lần so với sinh viên ở độ tuổi < 20 với KTC 0,92- 4,18. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p = 0,031$. Sinh viên học năm 3 có kỹ năng sống cao gấp 3,71 lần so với sinh viên năm 2, sinh viên học năm 4 có kỹ năng giao tiếp ảnh hưởng cao gấp 2,94 lần so với sinh viên năm 2. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$

IV. BÀN LUẬN

Đa số sinh viên thuộc nhóm 20 tuổi chiếm 90,8 % đây là độ tuổi mà hầu hết các bạn sinh viên điều dưỡng đã được tích lũy nhiều kinh nghiệm giao tiếp trong quá trình học tập vì đa số thuộc các khóa năm thứ ba hoặc năm cuối, đã được trải nghiệm và giải quyết nhiều vấn đề giao tiếp khác nhau. Sinh viên đại học điều dưỡng đa phần là nữ chiếm 83,6%. Theo nghiên cứu của Mirko Prosen (2022) tỷ lệ này là 88,66% [7]. Số liệu này hoàn toàn phù hợp với thực tế tại các trường đào tạo Điều dưỡng cũng như lực lượng Điều dưỡng viên trong bệnh viện.

Kết quả sinh viên tự đánh giá cho rằng bản thân mình giao tiếp đạt chiếm 64%, 21% sinh viên giao tiếp chưa đạt và 15% sinh viên giao tiếp tốt, tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Mahnaz Shafakhah và cộng sự (2015) có kết quả của các sinh viên tự đánh giá là 86,2% giao tiếp tốt và giao tiếp đạt [6]. Điều đó chứng tỏ sinh viên đã giảm đi tự tin về khả năng giao tiếp của bản thân.

Theo kết quả nghiên cứu sinh viên có các kỹ năng sống tốt như nói chuyện hòa đồng, tự tin, giải thích cho người khác hiểu mức thường xuyên chiếm tỉ lệ trên 50%. Tuy nhiên, sinh viên có kỹ năng giải thích cho người khác hiểu, đặt mình vào vị trí người khác, kỹ năng khai thác thông tin và lắng nghe đối phương chỉ thỉnh thoảng thực hiện còn chiếm tỉ lệ cao lần lượt là: 21,9%, 32,3%, 40, 3%, 13,3%. Vấn đề này giảng viên cần hết sức chú ý, cần sớm có các giải pháp giúp sinh viên cải thiện các kỹ năng trên trong các buổi học kỹ năng, vì đây là các kỹ năng tối quan trọng đối với nhân viên y tế nhất là điều dưỡng viên, người trực tiếp chăm sóc, gắn bó nhiều với

người bệnh nhân.

Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Trung Nam và cộng sự (2013) [2] đa số các yếu tố cá nhân có ảnh hưởng ở mức độ vừa và mức độ mạnh chiếm tỷ lệ cao nhất. Trong đó các yếu tố kỹ năng sống, tính im lặng, năng lực giao tiếp của giáo viên, phương pháp dạy của giảng viên, giọng nói của giáo viên, thái độ giao tiếp của nhân viên bệnh viện có tổng tỷ lệ mức độ mạnh và rất mạnh chiếm trên 75%. Yếu tố môi trường của sinh viên điều dưỡng có ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp chiếm 52,55% và không ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp chiếm 47,45%. Có thể thấy yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến học kỹ năng sống chiếm tỷ lệ cao hơn. Cho nên các yếu tố về môi trường của sinh viên có ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp (Biểu đồ 1).

Sinh viên ≥ 20 tuổi có kỹ năng giao tiếp ảnh hưởng cao gấp 1,96 lần so với sinh viên ở độ tuổi < 20 với KTC 0,92- 4,18. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p = 0,031$. Kết quả này không tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Trung Nam và cộng sự (2013) [2] khi không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ảnh hưởng kỹ năng sống với đặc điểm chung $p = 0,07$. Sinh viên học năm 3 có kỹ năng giao tiếp ảnh hưởng cao gấp 3,71 lần so với sinh viên năm 2 với KTC 2,24- 6,16, sinh viên học năm 4 có kỹ năng giao tiếp ảnh hưởng cao gấp 2,94 lần so với sinh viên năm 2 với KTC 1,74- 4,97. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê $p < 0,001$. Có thể thấy sự rèn luyện trong quá trình học tập có ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp.

V. KẾT LUẬN

Qua khảo sát 196 đối tượng là sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh về tự đánh giá năng lực giao tiếp của bản thân, tự đánh giá kỹ năng sống và các yếu tố ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp nhận thấy yếu tố kỹ năng sống có ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp chiếm 52,04%. Môi liên quan giữa ảnh hưởng đến học kỹ năng giao tiếp với đặc điểm chung là khác nhau có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Môi liên quan giữa kỹ năng sống với đặc điểm chung với yếu tố năm học có ý nghĩa thống kê. Cần sớm có

các giải pháp để cải thiện, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học và áp dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Chu Văn Đức** (2005), Giáo trình Kỹ năng giao tiếp, Nhà xuất bản Hà Nội, tr. 5-15.
2. **Nguyễn Trung Nam** (2013), "Những yếu tố ảnh hưởng đến học tập kỹ năng giao tiếp của sinh viên Điều dưỡng", Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
3. **Bartlett G, Blais R, Tamblyn R, Clermont R J, et al** (2008), "Impact of patient communication problems on the risk of preventable adverse events in acute care settings", *Cmaj*, 178 (12), pp. 1555-1562.
4. **Ferreira-Padilla G, Ferrández-Antón T, Baleriola-Júlvez J, Braś M, et al**, (2015), "Communication skills in medicine: where do we come from and where are we going?", *Croat Med J*, 56 (3), pp. 311-314.
5. **Fakhr-Movahedi A, Salsali M, Negharandeh R, Rahnavard Z**, (2011), "A qualitative content analysis of nurse-patient communication in Iranian nursing", *Int Nurs Rev*, 58 (2), pp. 171-180.
6. **Michelle Swift, RN, JD, CPHRM**. The Impact of Poor Communication on Medical Errors. *The Doctor Weighs In*, 2017.
7. **Prosen M** (2022), "Nursing students' perceptions of gender-defined roles in nursing: a computational descriptive study", *Nurse BMC*, 21 pp.104.
6. **Shafakhah M**, (2015), "Evaluation of nursing students' communication abilities in clinical courses in hospitals", *Global journal of health science*, 7(4), 323-328.
10. **Silverman J, Kurtz S, Draper J**, (2016), *Skills for communicating with patients*, crc press

CHỈNH HÌNH PHỨC HỢP HÀM GÒ MÁ QUA ĐƯỜNG MI MẮT TRÊN: BÁO CÁO CA LÂM SÀNG

Nguyễn Đức Vượng¹, Nguyễn Bảo Sơn¹, Nguyễn Đình Chương¹,
Trần Đình Khả², Đào Hồng Ngọc², Bùi Thế Hưng¹, Nguyễn Thị Kiều Thơ¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hiện nay có nhiều cách thức tiếp cận và điều trị gãy phức hợp hàm gò má chỉ định phẫu thuật. Lựa chọn phương thức điều trị thích hợp tùy vào từng trường hợp tổn thương cụ thể. **Ca lâm sàng:** Bệnh nhân nữ, 55 tuổi, chấn thương vùng đầu mặt phải do tai nạn giao thông, được chẩn đoán gãy phức hợp hàm gò má phân loại II-B-R theo Ozyazgan (2007) [1]. Khi tình trạng bệnh nhân ổn định, tiến hành nắn chỉnh, kết hợp phân xương gãy cùng lúc với phẫu thuật chỉnh hình mí mắt trên theo nhu cầu thẩm mỹ của bệnh nhân. Phẫu thuật đạt kết quả tốt về mặt chức năng và thẩm mỹ, bệnh nhân hài lòng với kết quả phẫu thuật. **Bàn luận:** Có nhiều cách phân loại tổn thương và tiếp cận điều trị gãy phức hợp hàm gò má. Phẫu thuật viên cần nhận định được chính xác tổn thương và có thể phối hợp nhiều đường tiếp cận để đạt được sự chính xác cao nhất khi điều chỉnh lại các tổn thương. Trên ca bệnh này, phẫu thuật chỉnh hình mí mắt trên cùng lúc với nắn chỉnh các ổ gãy tương ứng được xem là phù hợp nhất. **Kết luận:** Gãy phức hợp hàm gò má là chấn thương vùng hàm mặt thường gặp. Lựa chọn cách thức điều trị cần được cá thể hoá tùy theo loại tổn thương và nhu cầu bệnh nhân để đạt được hiệu quả cao cả về mặt chức năng và thẩm mỹ.

Từ khóa: Gãy phức hợp hàm gò má, khớp trán gò má, chấn thương hàm mặt.

SUMMARY

RECONSTRUCTION OF ZYGOMATICOMAXILLARY COMPLEX THROUGH UPPER EYELID INCISION: A CLINICAL CASE REPORT

Objectives: Currently, there are various approaches and treatment modalities available for addressing zygomaticomaxillary complex fractures that require surgical intervention. Choosing the appropriate treatment method depends on the nature of the injury in each particular case. **Case report:** A 55-year-old female patient who experienced trauma to the right head and face in a traffic accident was diagnosed with a zygomaticomaxillary complex fracture classified as Grade II-B-R according to the Ozyazgan 2007 classification [1]. When the patient's condition stabilized, fractured bone reduction and fixation were conducted concurrently with upper eyelid blepharoplasty tailored to the patient's aesthetic needs. The surgery achieved good outcomes in terms of both function and aesthetics, with the patient expressing satisfaction with the surgical outcome. **Discussion:** There are various classifications and treatment approaches for zygomaticomaxillary complex fractures. The surgeon needs to accurately assess the injuries and may coordinate multiple approaches to achieve the highest level of precision when adjusting the injuries. In this case, performing upper eyelid blepharoplasty simultaneously with fractured bone reduction and fixation is regarded as the most suitable option. **Conclusion:**

¹Đại học Y Dược TP HCM

²Bệnh viện Nhân Dân Gia Định

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Kiều Thơ

Email: drkietho@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 13.3.2024

Ngày phản biện khoa học: 24.4.2024

Ngày duyệt bài: 29.5.2024